

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN  
VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ  
(INLACO SAIGON)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15 /TCHC

Tp Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

### 1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: ISG
- Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xóm Chiếu, TPHCM
- Điện thoại liên hệ: 028 39433770 Fax: 028 39433778

### 2. Email: [inlacosaigon@inlacosaigon.com](mailto:inlacosaigon@inlacosaigon.com)

Website: [www.inlacosaigon.vn](http://www.inlacosaigon.vn)

### 3. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có  Không

Công Ty Cổ  
Phần Vận  
Tải Biển Và  
Hợp Tác  
Lao Động  
Quốc Tế

Digitally signed by Công Ty Cổ  
Phần Vận Tải Biển Và Hợp Tác  
Lao Động Quốc Tế  
DN:  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1+  
MST:0300442780, CN=Công Ty  
Cổ Phần Vận Tải Biển Và Hợp  
Tác Lao Động Quốc Tế, S+H  
Chi Minh, C+VN  
Reason: I am the author of this  
document  
Location: your signing location  
here  
Date: 2026.03.17 13:52:09+0700  
Font: PhosomPDF Version:  
10.1.4



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/03/2026 tại đường dẫn:

<http://inlacosaigon.vn/bao-cao-tai-chinh-hop-nhat-nam-2025>

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC hợp nhất năm 2025
- Văn bản giải trình ý kiến kiểm toán



ỦY TỊCH HĐQT

*Nguyễn Ngọc Minh*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC**  
**LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**



## **MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>  | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>  | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>  | <b>5 - 6</b>   |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>  | <b>7 - 10</b>  |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b> | <b>11</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>           | <b>12 - 13</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>    | <b>14 - 39</b> |
| <b>8. Phụ lục</b>  | <b>40 - 42</b> |

\*\*\*\*\*



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Hợp tác Lao động với Nước ngoài Phía Nam theo Quyết định số 523/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300442760 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 04 tháng 9 năm 2015 cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên UpCom với mã chứng khoán ISG.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 Công ty đã gửi Công văn số 01/TCHC đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo về việc Công ty không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +84 (028) 3943 3770
- Fax : +84 (028) 3943 3778

### **Các đơn vị trực thuộc:**

| <u>Tên đơn vị</u>  | <u>Địa chỉ</u>   |
|--|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Nghệ An   | Số 62, đường Trần Quốc Toàn, phường Vinh Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.                  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hải Phòng | Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03, đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam. |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hà Nội    | Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 01, đường Đào Duy Anh, phường Kim Liên, TP. Hà Nội, Việt Nam.     |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ hàng hải: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, quản lý tàu biển;
- Tuyển, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ để cung ứng lao động cho xuất khẩu;
- Xuất khẩu lao động;
- Cho thuê kho, bãi;
- Đại lý liên hiệp vận tải;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải container bằng đường biển, đường bộ;
- Mua bán và cung ứng vật tư - thiết bị ngành hàng hải;



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Mua bán phương tiện vận tải và thiết bị - vật tư, phụ tùng, khoáng sản, kim loại màu, sắt thép, thiết bị điện tử, hàng nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc;
- Mua bán dầu nhờn;
- Mua bán máy, phụ tùng, vật tư cho hãng máy tàu nước ngoài;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê lại lao động;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và tên             | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|-----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Minh  | Chủ tịch     | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Trần Viết Điền    | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh   | Ủy viên      | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Vũ         | Ủy viên      | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Văn Nam    | Ủy viên      | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Hoàng Lê Vượng    | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025     |
| Ông Nguyễn Thanh Ngọc | Ủy viên      | Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025   |
| Ông Hoàng Đức Tuấn    | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022     |

#### Ban kiểm soát

| Họ và tên                | Chức vụ    | Ngày tái bổ nhiệm                     |
|--------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Oanh   | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Bà Trịnh Thị Thanh Hương | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Phạm Anh Tuấn        | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |

#### Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên                  | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|----------------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Tuấn Anh (1974) | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2025 |
| Ông Nguyễn Vũ              | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2025 |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh (1982) | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2025 |
| Ông Đặng Hiểu              | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2025    |

#### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022).

Ông Nguyễn Ngọc Minh ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Anh - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.



**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

**Nguyễn Tuấn Anh**  
Ủy viên Hội đồng quản trị  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Số: 1.0305/26/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Mặc dù năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn lãi 41.173.526.762 VND nhưng lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 251.346.806.379 VND, làm cho vốn chủ sở hữu bị âm 158.323.428.582 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 403.012.068.253 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ngoài ra, chúng tôi cũng không được chứng kiến kiểm kê thực tế lượng nguyên vật liệu tồn kho tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng nguyên vật liệu tồn kho tại các thời điểm này (xem thuyết minh số V.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất).

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 14 tháng 01 năm 2026 Công ty mẹ đã gửi Công văn số 01/TCHC đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo về việc Công ty mẹ không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15. Việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Trần Thị Thủy Quyên**  
Thành viên Ban Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1539-2023-008-1  
Người được ủy quyền



**Phan Cao Huyền**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3523-2026-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>208.287.963.732</b> | <b>166.449.607.426</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>116.298.986.780</b> | <b>108.335.161.569</b> |
| 1. Tiền   | 111        |             | 113.298.986.780        | 101.814.676.928        |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 3.000.000.000          | 6.520.484.641          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>6.500.000.000</b>   | <b>1.500.000.000</b>   |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 6.500.000.000          | 1.500.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>59.481.888.878</b>  | <b>27.329.272.427</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 14.125.261.022         | 16.345.677.602         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 167.493.500            | 177.449.850            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 45.812.863.629         | 11.429.874.248         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (623.729.273)          | (623.729.273)          |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>13.247.125.224</b>  | <b>8.110.804.135</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 13.247.125.224         | 8.110.804.135          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>12.759.962.850</b>  | <b>21.174.369.295</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 6.551.375.002          | 3.208.650.820          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 5.737.651.480          | 17.790.237.658         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.15        | 470.936.368            | 175.480.817            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

04498  
NG TY  
TOÁN V  
A&  
A.T

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>375.913.639.671</b> | <b>461.941.716.719</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>2.000.000</b>       | <b>2.000.000</b>       |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | 2.000.000              | 2.000.000              |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>353.304.923.709</b> | <b>441.362.706.822</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 344.467.035.509        | 432.208.858.622        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 1.417.344.588.442      | 1.422.828.082.988      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (1.072.877.552.933)    | (990.619.224.366)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 8.837.888.200          | 9.153.848.200          |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 17.736.123.304         | 17.736.123.304         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (8.898.235.104)        | (8.582.275.104)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>52.556.750</b>      | <b>52.556.750</b>      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 52.556.750             | 52.556.750             |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>687.500.000</b>     | <b>1.920.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2b        | 978.500.000            | 1.978.500.000          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2b        | (361.000.000)          | (128.500.000)          |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        | V.2a        | 70.000.000             | 70.000.000             |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>21.866.659.212</b>  | <b>18.604.453.147</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 21.866.659.212         | 18.604.453.147         |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        | V.12        | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>584.201.603.403</b> | <b>628.391.324.145</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>742.525.031.985</b> | <b>827.888.279.489</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>611.300.031.985</b> | <b>671.673.279.489</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13        | 20.601.818.843         | 20.846.158.417         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.14        | 12.949.573.034         | 4.706.996.462          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.15        | 9.757.751.703          | 37.624.614.723         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.16        | 6.224.417.628          | 8.454.723.397          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.17        | 223.514.940            | 1.836.640.102          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.18        | 532.529.551.379        | 565.921.321.492        |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.19a,c     | 25.005.000.000         | 25.020.000.000         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.20        | 4.008.404.458          | 7.262.824.896          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>131.225.000.000</b> | <b>156.215.000.000</b> |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.19b,c     | 131.225.000.000        | 156.215.000.000        |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

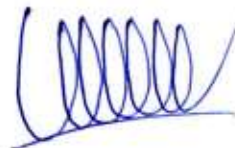
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>(158.323.428.582)</b> | <b>(199.496.955.344)</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>(158.323.428.582)</b> | <b>(199.496.955.344)</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.21        | 88.000.000.000           | 88.000.000.000           |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 88.000.000.000           | 88.000.000.000           |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                        | -                        |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.21        | 5.023.377.797            | 5.023.377.797            |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.21        | (251.346.806.379)        | (292.520.333.141)        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a       |             | (292.520.333.141)        | (292.520.333.141)        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 41.173.526.762           | -                        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                        | -                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>584.201.603.403</b>   | <b>628.391.324.145</b>   |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026



Lê Thị Thu Hà  
Người lập



Nghiêm Văn Châu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

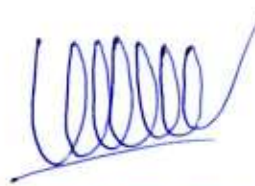
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước              |
|--|-------|-------------|-----------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 365.127.979.780       | 383.813.800.179        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                     | -                      |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 365.127.979.780       | 383.813.800.179        |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 319.150.801.903       | 443.014.660.629        |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 45.977.177.877        | (59.200.860.450)       |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 7.252.893.764         | 17.454.443.052         |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 18.646.933.648        | 10.610.042.992         |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 13.924.344.870        | 10.464.350.466         |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                     | -                      |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 12.607.918.965        | 12.877.365.683         |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 19.101.139.317        | 19.827.889.640         |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 2.874.079.711         | (85.061.715.713)       |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.7        | 50.743.541.625        | 656.545.348.065        |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.8        | 2.086.753.195         | 1.190.922.302          |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 48.656.788.430        | 655.354.425.763        |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 51.530.868.141        | 570.292.710.050        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.15        | 10.357.341.379        | 39.479.753.332         |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | -                     | -                      |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>41.173.526.762</u> | <u>530.812.956.718</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | 41.173.526.762        | 530.812.956.718        |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | -                     | -                      |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.9a,b     | <u>4.679</u>          | <u>59.706</u>          |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.9a,b     | <u>4.679</u>          | <u>59.706</u>          |


Lê Thị Thu Hà  
Người lập

Nghiêm Văn Châu  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

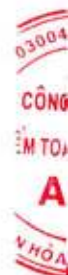
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh |                        |                          |
|---|-----------|-------------|------------------------|--------------------------|
|   |           |             | Năm nay                | Năm trước                |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                        |                          |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |             | 368.679.096.718        | 386.174.972.282          |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (122.189.594.372)      | (200.554.742.400)        |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |             | (86.230.488.228)       | (77.079.284.959)         |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        |             | (14.524.270.341)       | (20.968.029.000)         |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        | V.15        | (38.370.945.390)       | (2.082.671.192)          |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        |             | 224.783.391.865        | 16.904.062.694           |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | (297.214.892.085)      | (84.128.194.389)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>34.932.298.167</b>  | <b>18.266.113.036</b>    |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                        |                          |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | -                      | (376.300.363.636)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        | VI.7        | 935.185.187            | 133.670.270.500          |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        | V.2a        | (5.000.000.000)        | (7.000.000.000)          |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | -                      | 7.079.590.411            |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                      | 25        |             | -                      | -                        |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                  | 26        | V.2b;VI.3   | 1.115.574.305          | 5.375.000.000            |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        | V.5, VI.3   | 570.630.165            | 624.065.907              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(2.378.610.343)</b> | <b>(236.551.436.818)</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                       |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                       |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | -                       | 200.000.000.000         |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.19a       | (25.005.000.000)        | (21.181.590.000)        |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                       | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                       | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(25.005.000.000)</b> | <b>178.818.410.000</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>7.548.687.824</b>    | <b>(39.466.913.782)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>108.335.161.569</b>  | <b>143.733.547.188</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | 415.137.387             | 4.068.528.163           |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>116.298.986.780</b>  | <b>108.335.161.569</b>  |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Lê Thị Thu Hà  
Người lập

Nghiêm Văn Châu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là thương mại - dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là cung cấp các dịch vụ cung ứng lao động cho xuất khẩu, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung ứng và kinh doanh dầu nhớt,...

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics có trụ sở chính tại số 126, đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cung cấp dịch vụ vận chuyển nâng hạ container, dịch vụ giao nhận, vận chuyển, đóng hàng, dịch vụ cho thuê kho, bãi, dịch vụ sửa chữa, vệ sinh container và các dịch vụ khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

#### *Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

| Tên đơn vị   | Địa chỉ  |
|--|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Nghệ An   | Số 62, đường Trần Quốc Toàn, phường Vinh Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.                  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hải Phòng | Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03, đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam. |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hà Nội    | Tầng 2, toà nhà Ocean Park, số 01, đường Đào Duy Anh, phường Kim Liên, TP. Hà Nội, Việt Nam.     |

#### 6. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2025 của Tập đoàn giảm đáng kể so với năm 2024 là do trong năm 2024 Tập đoàn nhận được Thông báo số 122/TB-TD1 và 123/TB-TD1 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đông Bắc về việc xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả phát sinh chưa thanh toán tính đến ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Dự án Đầu tư Đóng mới Tàu chở hàng khô (tàu Aquamarine và tàu Inlaco Express) với tổng số tiền là 517.823.083.150 VND.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.061 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.068 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và khoản đầu tư vào chứng chỉ Quỹ Đầu tư Quốc gia với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí bảo hiểm tàu; công cụ, dụng cụ trên tàu; chi phí sửa chữa tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này:

#### **Chi phí bảo hiểm tàu**

Chi phí bảo hiểm tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 03 năm tùy theo thời gian sử dụng.

#### **Chi phí sửa chữa tàu**

Chi phí sửa chữa tài sản là toàn bộ chi phí phát sinh sửa chữa tàu nhằm duy trì tình trạng hoạt động bình thường của tàu. Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 05 năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 15       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 12       |
| Tài sản cố định hữu hình khác   | 03 - 10       |

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất của Công ty con là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn thuê đất 30 năm.

Quyền sử dụng đất của Công ty mẹ là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Giá mua của chương trình phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

### 21. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt   | 831.139.517            | 850.271.828            |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                    | 112.467.847.263        | 100.964.405.100        |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng) | 3.000.000.000          | 6.520.484.641          |
| <b>Cộng</b>  | <b>116.298.986.780</b> | <b>108.335.161.569</b> |

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính này của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|  | Số cuối năm          |                      | Số đầu năm           |                      |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|  | Giá gốc              | Giá trị ghi sổ       | Giá gốc              | Giá trị ghi sổ       |
| <b>Ngắn hạn</b>                                | <b>6.500.000.000</b> | <b>6.500.000.000</b> | <b>1.500.000.000</b> | <b>1.500.000.000</b> |
| Tiền gửi có kỳ hạn                             | 6.500.000.000        | 6.500.000.000        | 1.500.000.000        | 1.500.000.000        |
| <b>Dài hạn</b>                                 | <b>70.000.000</b>    | <b>70.000.000</b>    | <b>70.000.000</b>    | <b>70.000.000</b>    |
| Khoản đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Quốc gia | 70.000.000           | 70.000.000           | 70.000.000           | 70.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>6.570.000.000</b> | <b>6.570.000.000</b> | <b>1.570.000.000</b> | <b>1.570.000.000</b> |

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|  | Số cuối năm        |                      | Số đầu năm           |                      |
|--|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|  | Giá gốc            | Dự phòng             | Giá gốc              | Dự phòng             |
| Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam              | 978.500.000        | (361.000.000)        | 978.500.000          | (128.500.000)        |
| Công ty Cổ phần Vinalines Logistics <sup>(i)</sup> | -                  | -                    | 1.000.000.000        | -                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>978.500.000</b> | <b>(361.000.000)</b> | <b>1.978.500.000</b> | <b>(128.500.000)</b> |

<sup>(i)</sup> Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinalines Logistics với giá chuyển nhượng là 1.115.574.305 VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|   | Năm nay            | Năm trước          |
|---|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm                              | 128.500.000        | 3.090.000.000      |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tồn thất | 232.500.000        | (2.961.500.000)    |
| <b>Số cuối năm</b>                      | <b>361.000.000</b> | <b>128.500.000</b> |

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ cho thuê tàu, vận tải</b> | <b>5.923.822.165</b>  | <b>4.439.757.956</b>  |
| <b>Phải thu các dịch vụ khác</b>                            | <b>8.201.438.857</b>  | <b>11.905.919.646</b> |
| Hinase Ship Management Co., Ltd.                            | 1.859.763.080         | 1.805.558.572         |
| Công ty Nissho Shipping                                     | -                     | 3.462.529.163         |
| Các khách hàng khác   | 6.341.675.777         | 6.637.831.911         |
| <b>Cộng</b>   | <b>14.125.261.022</b> | <b>16.345.677.602</b> |

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|--|--------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Lâu dài Ven Sông | 58.819.500         | 49.016.250         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hoàng Sơn   | -                  | 47.433.600         |
| Trả trước cho người bán khác                           | 108.674.000        | 81.000.000         |
| <b>Cộng</b>  | <b>167.493.500</b> | <b>177.449.850</b> |

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

|   | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| <b>Phải thu bên liên quan</b>                     | <b>42.864.000</b>     | -        | <b>42.864.000</b>     | -        |
| Tổng công ty Hàng hải Việt Nam                    | 42.864.000            | -        | 42.864.000            | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>       | <b>45.769.999.629</b> | -        | <b>11.387.010.248</b> | -        |
| Các khoản thu hộ liên quan đến hoạt động tàu biển | 11.791.587.002        | -        | 2.383.134.198         | -        |
| Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm                 | 24.080.304.562        | -        | -                     | -        |
| Tạm ứng   | 3.090.791.950         | -        | 2.882.112.857         | -        |
| Ký quỹ ngắn hạn                                   | 4.519.100.000         | -        | 4.522.100.000         | -        |
| Lãi dự thu  | 154.434.244           | -        | 59.543.176            | -        |
| Phải thu về dịch vụ khác                          | 2.133.781.871         | -        | 1.540.120.017         | -        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>45.812.863.629</b> | -        | <b>11.429.874.248</b> | -        |



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 6. Nợ quá hạn

|  | Thời gian quá hạn | Số cuối năm          |                      | Thời gian quá hạn | Số đầu năm           |                      |
|--|-------------------|----------------------|----------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
|  |                   | Giá gốc              | Dự phòng             |                   | Giá gốc              | Dự phòng             |
| <b>Phải thu cung cấp dịch vụ</b>                             |                   | <b>928.706.273</b>   | <b>(623.729.273)</b> |                   | <b>928.706.273</b>   | <b>(623.729.273)</b> |
| Công ty TNHH Container B.N                                   | Trên 3 năm        | 365.890.000          | (365.890.000)        | Trên 3 năm        | 365.890.000          | (365.890.000)        |
| Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS                        | Trên 3 năm        | 85.392.000           | (85.392.000)         | Trên 3 năm        | 85.392.000           | (85.392.000)         |
| Doanh nghiệp Chế biến và Xuất khẩu Chè YI JIIN               | Trên 3 năm        | 53.000.000           | -                    | Trên 3 năm        | 53.000.000           | -                    |
| Chi nhánh Mimeco Hà Nam                                      | Trên 3 năm        | 110.880.000          | -                    | Trên 3 năm        | 110.880.000          | -                    |
| Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng và Dịch vụ Vận tải Thuận Phát | Trên 3 năm        | 131.200.000          | (131.200.000)        | Trên 3 năm        | 131.200.000          | (131.200.000)        |
| Công ty Cổ phần Vinagrains                                   | Trên 3 năm        | 51.290.000           | -                    | Trên 3 năm        | 51.290.000           | -                    |
| Công ty Cổ phần Đức Thái                                     | Trên 3 năm        | 23.810.000           | -                    | Trên 3 năm        | 23.810.000           | -                    |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Lộc                                  | Trên 3 năm        | 3.247.273            | (3.247.273)          | Trên 3 năm        | 3.247.273            | (3.247.273)          |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc tế ATTN           | Trên 3 năm        | 24.440.000           | -                    | Trên 3 năm        | 24.440.000           | -                    |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vận tải D&L            | Trên 3 năm        | 41.557.000           | -                    | Từ 2-3 năm        | 41.557.000           | -                    |
| Khách hàng khác  | Trên 3 năm        | 38.000.000           | (38.000.000)         | Trên 3 năm        | 38.000.000           | (38.000.000)         |
| <b>Phải thu khác</b>   |                   | <b>149.128.367</b>   | <b>-</b>             |                   | <b>149.128.367</b>   | <b>-</b>             |
| Bà Nguyễn Thị Thu Uyên                                       | Trên 3 năm        | 123.628.367          | -                    | Trên 3 năm        | 123.628.367          | -                    |
| Ông Phạm Tuấn Ngọc   | Trên 3 năm        | 25.500.000           | -                    | Trên 3 năm        | 25.500.000           | -                    |
| <b>Cộng</b>  |                   | <b>1.077.834.640</b> | <b>(623.729.273)</b> |                   | <b>1.077.834.640</b> | <b>(623.729.273)</b> |

### 7. Hàng tồn kho

|                  | Số cuối năm           |          | Số đầu năm           |          |
|------------------|-----------------------|----------|----------------------|----------|
|                  | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu  | 13.213.990.224        | -        | 8.044.924.135        | -        |
| Công cụ, dụng cụ | 33.135.000            | -        | 65.880.000           | -        |
| <b>Cộng</b>      | <b>13.247.125.224</b> | <b>-</b> | <b>8.110.804.135</b> | <b>-</b> |

Tập đoàn không có hàng tồn kho chậm luân chuyển.

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                 | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm tàu            | 2.356.279.349        | 2.137.596.090        |
| Công cụ, dụng cụ                | 4.017.954.579        | 641.176.730          |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 177.141.074          | 429.878.000          |
| <b>Cộng</b>                     | <b>6.551.375.002</b> | <b>3.208.650.820</b> |

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

|                                | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ               | 13.877.598.814        | 2.101.639.746         |
| Chi phí sửa chữa tàu           | 7.537.659.544         | 15.369.782.445        |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 451.400.854           | 1.133.030.956         |
| <b>Cộng</b>                    | <b>21.866.659.212</b> | <b>18.604.453.147</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

|  | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Tài sản cố<br>định khác | Cộng                     |
|--|---------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                           |                                    |                              |                         |                          |
| Số đầu năm                               | 24.512.071.989            | 1.397.356.217.633                  | 739.702.457                  | 220.090.909             | 1.422.828.082.988        |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                         | (5.483.494.546)                    | -                            | -                       | (5.483.494.546)          |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>24.512.071.989</b>     | <b>1.391.872.723.087</b>           | <b>739.702.457</b>           | <b>220.090.909</b>      | <b>1.417.344.588.442</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                           |                                    |                              |                         |                          |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | 9.044.734.153             | 459.662.543.573                    | 739.702.457                  | 220.090.909             | 469.667.071.092          |
| Chờ thanh lý                             | -                         | -                                  | -                            | -                       | -                        |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                           |                                    |                              |                         |                          |
| Số đầu năm                               | 18.419.861.001            | 971.239.569.999                    | 739.702.457                  | 220.090.909             | 990.619.224.366          |
| Khấu hao trong năm                       | 649.053.816               | 87.092.769.297                     | -                            | -                       | 87.741.823.113           |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                         | (5.483.494.546)                    | -                            | -                       | (5.483.494.546)          |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>19.068.914.817</b>     | <b>1.052.848.844.750</b>           | <b>739.702.457</b>           | <b>220.090.909</b>      | <b>1.072.877.552.933</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                           |                                    |                              |                         |                          |
| Số đầu năm                               | 6.092.210.988             | 426.116.647.634                    | -                            | -                       | 432.208.858.622          |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>5.443.157.172</b>      | <b>339.023.878.337</b>             | <b>-</b>                     | <b>-</b>                | <b>344.467.035.509</b>   |
| <i>Trong đó:</i>                         |                           |                                    |                              |                         |                          |
| Tạm thời chưa sử dụng                    | -                         | -                                  | -                            | -                       | -                        |
| Đang chờ thanh lý                        | -                         | -                                  | -                            | -                       | -                        |

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 91/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 đã thông qua kế hoạch thanh lý tàu Inlaco Bright trong năm 2025, đồng thời mua sắm một tàu trọng tải 32.000 - 40.000 tấn để trẻ hóa đội tàu Tập đoàn và tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính của tàu Inlaco Bright lần lượt là 214.053.619.021 VND, 212.763.528.924 VND và 1.290.090.098 VND. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Tập đoàn vẫn chưa hoàn tất việc thanh lý tàu cũ cũng như mua sắm tàu mới do chưa tìm được đối tác chuyển nhượng phù hợp.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 333.863.792.176 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đông Bắc và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành (xem các thuyết minh số V.18 và V.19b).

#### 10. Tài sản cố định vô hình

|                                       | Quyền sử<br>dụng đất  | Phần mềm<br>máy vi tính | Cộng                  |
|---------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                       |                         |                       |
| Số đầu năm                            | 17.676.123.304        | 60.000.000              | 17.736.123.304        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>17.676.123.304</b> | <b>60.000.000</b>       | <b>17.736.123.304</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                       |                         |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                     | 60.000.000              | 60.000.000            |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                       |                         |                       |
| Số đầu năm                            | 8.522.275.104         | 60.000.000              | 8.582.275.104         |
| Khấu hao trong năm                    | 315.960.000           | -                       | 315.960.000           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>8.838.235.104</b>  | <b>60.000.000</b>       | <b>8.898.235.104</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                       |                         |                       |
| Số đầu năm                            | 9.153.848.200         | -                       | 9.153.848.200         |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>8.837.888.200</b>  | <b>-</b>                | <b>8.837.888.200</b>  |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                       | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy vi tính</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------|
| <i>Trong đó:</i>      |                          |                             |             |
| Tạm thời chưa sử dụng | -                        | -                           | -           |
| Đang chờ thanh lý     | -                        | -                           | -           |

Tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại 8.198.578.200 VND đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành (xem thuyết minh số V.19b).

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí phát triển phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương chưa nghiệm thu.

## 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

*Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận*

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế còn lại của năm 2024 với số tiền là 3.932.921.493 VND.

## 13. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                       | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i>         | <i>654.804</i>        | <i>99.445.768</i>     |
| Tổng công ty Hàng hải Việt Nam        | 654.804               | 99.445.768            |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>20.601.164.039</i> | <i>20.746.712.649</i> |
| Nhà máy Sửa chữa Tàu biển Phà Rừng    | 13.500.000.000        | 14.500.000.000        |
| Các nhà cung cấp khác                 | 7.101.164.039         | 6.246.712.649         |
| <b>Cộng</b>                           | <b>20.601.818.843</b> | <b>20.846.158.417</b> |

Khoản nợ phải trả Nhà máy Sửa chữa Tàu biển Phà Rừng đã quá hạn thanh toán.

## 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                            | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|
| Wooyang Shipping Co., Ltd. | -                     | 2.495.003.462        |
| Daedong Shipping Co., Ltd. | 5.624.735.524         | 1.360.314.000        |
| Vin Marine Korea Co., Ltd. | 3.246.202.336         | -                    |
| Nissho Shipping            | 1.966.012.901         | -                    |
| HS Marine Company Limited  | 1.963.917.910         | -                    |
| Các khách hàng khác        | 148.704.363           | 851.679.000          |
| <b>Cộng</b>                | <b>12.949.573.034</b> | <b>4.706.996.462</b> |

## 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                                  | <u>Số đầu năm</u> |                 | <u>Số phát sinh trong năm</u> |                       | <u>Số cuối năm</u> |                 |
|----------------------------------|-------------------|-----------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------|
|                                  | <u>Phải nộp</u>   | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u>            | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u>    | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa       | 118.212.344       | -               | 1.954.575.148                 | (1.791.929.874)       | 280.857.618        | -               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp       | 37.477.516.612    | 110.700.945     | 10.357.341.379                | (38.370.945.390)      | 9.463.257.205      | 110.045.549     |
| Thuế thu nhập cá nhân            | 26.295.559        | 57.944.536      | 1.345.622.465                 | (1.656.982.299)       | 11.046.672         | 354.055.483     |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | -                 | -               | 67.923.596                    | (67.923.596)          | -                  | -               |
| Tiền thuê đất                    | -                 | -               | 325.626.700                   | (325.626.700)         | -                  | -               |
| Các loại thuế khác               | 2.590.208         | -               | 11.000.000                    | (11.000.000)          | 2.590.208          | -               |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|  | Số đầu năm            |                    | Số phát sinh trong năm |                         | Số cuối năm          |                    |
|--|-----------------------|--------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|--------------------|
|  | Phải nộp              | Phải thu           | Số phải nộp            | Số đã thực nộp          | Phải nộp             | Phải thu           |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                     | 6.835.336          | 126.965.036            | (126.965.036)           | -                    | 6.835.336          |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>37.624.614.723</b> | <b>175.480.817</b> | <b>14.189.054.324</b>  | <b>(42.351.372.895)</b> | <b>9.757.751.703</b> | <b>470.936.368</b> |

### Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|   |                    |
|---|--------------------|
| • Dịch vụ cung cấp đầu mua và bán tại nước ngoài cho tổ chức nước ngoài | Không phải kê khai |
| • Dịch vụ vận tải quốc tế, cho thuê tàu vận tải quốc tế                 | 0%                 |
| • Dịch vụ cung ứng thuyền viên  |                    |
| - Tàu nội   | 10% <sup>(i)</sup> |
| - Tàu ngoại   | 0%                 |
| • Các hoạt động khác <sup>(i)</sup>                                     | 10% <sup>(i)</sup> |

<sup>(i)</sup> Năm 2025, các công ty trong Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 08% theo các Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo các Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

|  | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế | 10.232.597.522        | 39.479.753.332        |
| Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics                        | 124.743.857           | -                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>10.357.341.379</b> | <b>39.479.753.332</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho khu đất đang sử dụng vị trí tại đường Đoạn Xá, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng với mức tiền thuê như sau:

- Tuyến I: 132.000 VND/m<sup>2</sup>/năm.
- Tuyến II: 99.000 VND/ m<sup>2</sup>/năm.

### Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 16. Phải trả người lao động

Lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

#### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                 | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>           |
|-----------------|---------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 223.514.940               | 223.440.411                 |
| Chi phí khác    | -                         | 1.613.199.691               |
| <b>Cộng</b>     | <b><u>223.514.940</u></b> | <b><u>1.836.640.102</u></b> |

#### 18. Phải trả ngắn hạn khác

|  | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Kinh phí công đoàn   | 268.219.224                   | 180.013.498                   |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn   | 70.000.000                    | 70.000.000                    |
| Cổ tức phải trả  | 1.318.722.900                 | 1.318.722.900                 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đông Bắc - chi phí lãi vay phải trả <sup>(i)</sup> | 509.561.110.853               | 510.161.110.853               |
| Phải trả hộ liên quan đến hoạt động cho thuê tàu   | 8.006.673.746                 | 22.256.690.524                |
| Phải trả hộ liên quan đến hoạt động xuất khẩu thuyền viên  | 2.760.103.862                 | 22.405.984.848                |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác   | 10.544.720.794                | 9.528.798.869                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>532.529.551.379</u></b> | <b><u>565.921.321.492</u></b> |

<sup>(i)</sup> Chi phí lãi vay đã quá hạn nhưng chưa được thanh toán cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đông Bắc do Tập đoàn đang gặp khó khăn về tài chính. Khoản lãi vay chưa thanh toán này được đảm bảo bằng một số phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.9).

Ngoài ra, Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 19. Vay

##### 19a. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành.

Chi tiết số phát sinh về vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

|                                 | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm                      | 25.020.000.000               | 2.416.590.000                |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | 24.990.000.000               | 43.785.000.000               |
| Số tiền vay đã trả              | (25.005.000.000)             | (21.181.590.000)             |
| <b>Số cuối năm</b>              | <b><u>25.005.000.000</u></b> | <b><u>25.020.000.000</u></b> |

##### 19b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng tín dụng số 10.04/2024/HĐCV ngày 10 tháng 4 năm 2024 với tổng số tiền vay 200.000.000.000 VND để mua tàu chơ hàng khô (số hiệu IMO 9658795) đóng năm 2013 tại Nhật Bản theo MOA ký với Sun Advance Shipping S.A ngày 04 tháng 01 năm 2024, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất vay là 7,5%/năm trong kỳ đầu tiên (12 tháng đầu), các kỳ tiếp theo lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay - tàu Inlaco Harmony (xem thuyết minh số V.9).



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Ngoài ra, quyền sử dụng đất không thời hạn và tài sản gắn liền với đất tại số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh cũng được sử dụng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                        | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 25.005.000.000                | 25.020.000.000                |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 99.995.000.000                | 100.080.000.000               |
| Trên 05 năm            | 31.230.000.000                | 56.135.000.000                |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>156.230.000.000</u></b> | <b><u>181.235.000.000</u></b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

|                                    | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm                         | 156.215.000.000               | -                             |
| Số tiền vay phát sinh              | -                             | 200.000.000.000               |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (24.990.000.000)              | (43.785.000.000)              |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b><u>131.225.000.000</u></b> | <b><u>156.215.000.000</u></b> |

#### 19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm                                    | 7.262.824.896               | 2.018.816.413               |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận <sup>(i)</sup> | -                           | 5.403.323.283               |
| Chi quỹ trong năm                             | (3.254.420.438)             | (159.314.800)               |
| <b>Số cuối năm</b>                            | <b><u>4.008.404.458</u></b> | <b><u>7.262.824.896</u></b> |

<sup>(i)</sup> Tập đoàn chưa nhận được Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty mẹ về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay. Năm trước, Tập đoàn trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định số 260/QĐ - HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ.

#### 21. Vốn chủ sở hữu

##### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|  | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u>                     |
|--|-------------------------------|------------------------------|--|---------------------------------|
| Số đầu năm trước                                   | 88.000.000.000                | 5.023.377.797                | (817.929.966.576)                        | (724.906.588.779)               |
| Lợi nhuận trong năm trước                          | -                             | -                            | 530.812.956.718                          | 530.812.956.718                 |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm trước | -                             | -                            | (5.403.323.283)                          | (5.403.323.283)                 |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                        | <b><u>88.000.000.000</u></b>  | <b><u>5.023.377.797</u></b>  | <b><u>(292.520.333.141)</u></b>          | <b><u>(199.496.955.344)</u></b> |
| Số dư đầu năm nay                                  | 88.000.000.000                | 5.023.377.797                | (292.520.333.141)                        | (199.496.955.344)               |
| Lợi nhuận trong năm nay                            | -                             | -                            | 41.173.526.762                           | 41.173.526.762                  |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                          | <b><u>88.000.000.000</u></b>  | <b><u>5.023.377.797</u></b>  | <b><u>(251.346.806.379)</u></b>          | <b><u>(158.323.428.582)</u></b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (đại diện bởi Ông Nguyễn Tuấn Anh; Ông Hoàng Lê Vượng) | 31.680.000.000        | 31.680.000.000        |
| Vốn góp của các cổ đông khác  | 56.320.000.000        | 56.320.000.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>88.000.000.000</b> | <b>88.000.000.000</b> |

### 21c. Cổ phiếu

|  | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 8.800.000   | 8.800.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8.800.000   | 8.800.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 8.800.000   | 8.800.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 8.800.000   | 8.800.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 8.800.000   | 8.800.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

## 22. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

### 22a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 4.137.232,50 USD (số đầu năm là 3.891.847,94 USD).

### 22b. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có các khoản công nợ phải thu tiền cung cấp dịch vụ tồn đọng lâu, không có khả năng thu hồi đã được xử lý xóa sổ như sau:

|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Phạm Quốc Hiền                 | 131.151.222          | 131.151.222          |
| Công ty TNHH NNT                   | 19.346.275           | 19.346.275           |
| G.B.B.H.CO                         | 1.879.500            | 1.879.500            |
| Liên doanh Ahler                   | 2.698.478            | 2.698.478            |
| Công ty TNHH Vận tải biển Lam Kinh | 1.294.880.755        | 1.294.880.755        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>1.449.956.230</b> | <b>1.449.956.230</b> |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|   | Năm nay                | Năm trước              |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu dịch vụ cho thuê tàu và vận tải                             | 308.056.329.426        | 328.936.245.107        |
| Doanh thu dịch vụ đại lý tàu, xuất khẩu thuyền viên và hoạt động khác | 57.071.650.354         | 54.877.555.072         |
| <b>Cộng</b>   | <b>365.127.979.780</b> | <b>383.813.800.179</b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 2. Giá vốn hàng bán

|   | Năm nay                | Năm trước              |
|---|------------------------|------------------------|
| Giá vốn dịch vụ cho thuê tàu và vận tải                               | 273.353.008.512        | 391.539.810.941        |
| Giá vốn hoạt động xuất khẩu thuyền viên, đại lý tàu và hoạt động khác | 45.797.793.391         | 51.474.849.688         |
| <b>Cộng</b>   | <b>319.150.801.903</b> | <b>443.014.660.629</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|   | Năm nay              | Năm trước             |
|---|----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng  | 610.521.233          | 608.129.686           |
| Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn khác                                      | 115.574.305          | 483.500.000           |
| Cổ tức được chia  | 55.000.000           | -                     |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 5.829.700.247        | 11.996.856.862        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 639.864.540          | 4.365.956.504         |
| Doanh thu tài chính khác  | 2.233.439            | -                     |
| <b>Cộng</b>   | <b>7.252.893.764</b> | <b>17.454.443.052</b> |

### 4. Chi phí tài chính

|  | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                                | 13.924.344.870        | 10.464.350.466        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh                 | 4.490.088.778         | 3.107.192.526         |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư | 232.500.000           | (2.961.500.000)       |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>18.646.933.648</b> | <b>10.610.042.992</b> |

### 5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng.

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 9.401.614.302         | 9.631.732.960         |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 648.050.416           | 645.571.451           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 846.850.184           | 846.850.184           |
| Trợ cấp thôi việc                | 70.321.807            | 137.794.257           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 831.883.762           | 1.448.307.608         |
| Các chi phí khác                 | 7.302.418.846         | 7.117.633.180         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>19.101.139.317</b> | <b>19.827.889.640</b> |

### 7. Thu nhập khác

|  | Năm nay               | Năm trước              |
|--|-----------------------|------------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định                               | 935.185.187           | 133.670.270.500        |
| Doanh thu từ tiền thưởng giải phóng tàu                    | 2.030.456.970         | 59.145.547             |
| Xử lý công nợ tồn lâu                                      | 9.977.245.069         | 3.700.000.000          |
| Thu nhập từ việc được xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả | -                     | 517.823.083.150        |
| Tiền bồi thường  | 24.080.304.562        | -                      |
| Thu nhập khác  | 13.720.349.837        | 1.292.848.868          |
| <b>Cộng</b>  | <b>50.743.541.625</b> | <b>656.545.348.065</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 8. Chi phí khác

|                                     | Năm nay              | Năm trước            |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí từ tiền phạt giải phóng tàu | 200.992.636          | 502.940.926          |
| Thuế bị phạt, truy thu              | 213.868.930          | -                    |
| Phạt vi phạm hành chính             | 6.500.000            | -                    |
| Chi phí khác                        | 1.665.391.629        | 687.981.376          |
| <b>Cộng</b>                         | <b>2.086.753.195</b> | <b>1.190.922.302</b> |

### 9. Lãi trên cổ phiếu

#### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|   | Năm nay        | Năm trước       |
|---|----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ     | 41.173.526.762 | 530.812.956.718 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(i)</sup>                              | -              | (5.403.323.283) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 41.173.526.762 | 525.409.633.435 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 8.800.000      | 8.800.000       |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b>4.679</b>   | <b>59.706</b>   |

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được tính toán chưa trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa nhận được Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty mẹ về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay.

#### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 67.921.478.386         | 109.315.281.192        |
| Chi phí nhân công                | 81.217.337.305         | 87.966.366.632         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 88.057.783.113         | 83.561.882.142         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 55.947.059.663         | 125.702.741.634        |
| Chi phí khác                     | 57.716.201.718         | 69.173.644.352         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>350.859.860.185</b> | <b>475.719.915.952</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

|  | Tiền lương           | Thù lao            | Cộng thu nhập        |
|--|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>Năm nay</b>   |                      |                    |                      |
| Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch HĐQT                                       | 846.390.549          | -                  | 846.390.549          |
| Ông Trần Việt Điền - Phó Chủ tịch HĐQT                                     | 527.084.553          | -                  | 527.084.553          |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh (1974) - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc               | 696.458.424          | 36.000.000         | 732.458.424          |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh (1982) - Phó Tổng Giám đốc                             | 447.347.341          | -                  | 447.347.341          |
| Ông Nguyễn Vũ - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc                        | 533.165.713          | 36.000.000         | 569.165.713          |
| Ông Đặng Hiếu - Phó Tổng Giám đốc  | 432.151.263          | -                  | 432.151.263          |
| Ông Nghiêm Văn Châu - Kế toán trưởng                                       | 396.236.176          | -                  | 396.236.176          |
| Ông Nguyễn Văn Nam - Ủy viên HĐQT  | 416.164.692          | 36.000.000         | 452.164.692          |
| Ông Hoàng Lê Vượng - Ủy viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025)      |                      | 27.000.000         | 27.000.000           |
| Ông Nguyễn Thanh Ngọc - Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025) | 31.000.000           | 9.000.000          | 40.000.000           |
| Ông Hoàng Đức Tuấn - Ủy viên HĐQT  | 179.248.556          | 36.000.000         | 215.248.556          |
| Bà Nguyễn Thị Thu Oanh - Trưởng BKS  | 353.710.218          | 36.000.000         | 389.710.218          |
| Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Thành viên BKS                                  | 214.460.571          | 24.000.000         | 238.460.571          |
| Ông Phạm Anh Tuấn - Thành viên BKS   | 317.001.548          | 24.000.000         | 341.001.548          |
| <b>Cộng</b>  | <b>5.390.419.604</b> | <b>264.000.000</b> | <b>5.654.419.604</b> |
| <b>Năm trước</b>   |                      |                    |                      |
| Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch HĐQT                                       | 786.842.638          | -                  | 786.842.638          |
| Ông Trần Việt Điền - Phó Chủ tịch HĐQT                                     | 493.623.259          | -                  | 493.623.259          |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh (1974) - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc               | 650.667.556          | 36.000.000         | 686.667.556          |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh (1982) - Phó Tổng Giám đốc                             | 432.469.083          | -                  | 432.469.083          |
| Ông Nguyễn Vũ - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc                        | 488.885.592          | 36.000.000         | 524.885.592          |
| Ông Nghiêm Văn Châu - Kế toán trưởng                                       | 366.096.741          | -                  | 366.096.741          |
| Ông Nguyễn Văn Nam - Ủy viên HĐQT  | 387.698.246          | 36.000.000         | 423.698.246          |
| Ông Nguyễn Thanh Ngọc - Ủy viên HĐQT                                       | -                    | 36.000.000         | 36.000.000           |
| Ông Hoàng Đức Tuấn - Ủy viên HĐQT  | 166.208.500          | 36.000.000         | 202.208.500          |
| Bà Nguyễn Thị Thu Oanh - Trưởng BKS  | 361.942.354          | 36.000.000         | 397.942.354          |
| Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Thành viên BKS                                  | 198.576.482          | 24.000.000         | 222.576.482          |
| Ông Phạm Anh Tuấn - Thành viên BKS   | 294.458.678          | 24.000.000         | 318.458.678          |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.627.469.128</b> | <b>264.000.000</b> | <b>4.891.469.128</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Cổ đông nắm giữ 36% vốn điều lệ.

#### *Giao dịch với bên liên quan khác*

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch thuê văn phòng với Tổng công ty Cổ phần Hàng hải Việt Nam số tiền là 182.222.122 VND (năm trước là 146.831.808 VND).

Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### *Công nợ với bên liên quan khác*

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là dịch vụ cho thuê tàu và vận tải biển (chiếm hơn 84% tổng doanh thu).

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

## 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

|   | <b>Chưa quá hạn<br/>hoặc chưa bị<br/>giảm giá</b> | <b>Đã quá hạn<br/>và/hoặc bị<br/>giảm giá</b> | <b>Cộng</b>            |
|---|---|---|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                        |   |   |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 116.298.986.780                                   | -   | 116.298.986.780        |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 6.570.000.000                                     | -   | 6.570.000.000          |
| Phải thu khách hàng                       | 13.196.554.749                                    | 928.706.273                                   | 14.125.261.022         |
| Các khoản phải thu khác                   | 42.572.943.312                                    | 149.128.367                                   | 42.722.071.679         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | -   | 978.500.000                                   | 978.500.000            |
| <b>Cộng</b>                               | <b>178.638.484.841</b>                            | <b>2.056.334.640</b>                          | <b>180.694.819.481</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                         |   |   |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 108.335.161.569                                   | -   | 108.335.161.569        |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.570.000.000                                     | -   | 1.570.000.000          |
| Phải thu khách hàng                       | 15.416.971.329                                    | 928.706.273                                   | 16.345.677.602         |
| Các khoản phải thu khác                   | 8.398.633.024                                     | 149.128.367                                   | 8.547.761.391          |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 1.000.000.000                                     | 978.500.000                                   | 1.978.500.000          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>134.720.765.922</b>                            | <b>2.056.334.640</b>                          | <b>136.777.100.562</b> |

**3b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <b>Từ 01 năm<br/>trở xuống</b> | <b>Trên 01 năm<br/>đến 05 năm</b> | <b>Trên 01 năm<br/>đến 05 năm</b> | <b>Cộng</b>            |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                                |                                   |                                   |                        |
| Phải trả người bán      | 20.601.818.843                 | -                                 | -                                 | 20.601.818.843         |
| Vay                     | 25.005.000.000                 | 99.995.000.000                    | 31.230.000.000                    | 156.230.000.000        |
| Các khoản phải trả khác | 532.484.847.095                | -                                 | -                                 | 532.484.847.095        |
| <b>Cộng</b>             | <b>578.091.665.938</b>         | <b>99.995.000.000</b>             | <b>31.230.000.000</b>             | <b>709.316.665.938</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                                |                                   |                                   |                        |
| Phải trả người bán      | 20.846.158.417                 | -                                 | -                                 | 20.846.158.417         |
| Vay                     | 25.020.000.000                 | 100.080.000.000                   | 56.135.000.000                    | 181.235.000.000        |
| Các khoản phải trả khác | 567.577.948.096                | -                                 | -                                 | 567.577.948.096        |
| <b>Cộng</b>             | <b>613.444.106.513</b>         | <b>100.080.000.000</b>            | <b>56.135.000.000</b>             | <b>769.659.106.513</b> |

**3c. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có mua nhiên liệu phục vụ cho vận hành đội tàu với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

|                                      | Số cuối năm         | Số đầu năm          |
|--------------------------------------|---------------------|---------------------|
|                                      | USD                 | USD                 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 4.137.232,50        | 3.891.847,94        |
| Phải thu khách hàng                  | 227.308,76          | 175.945,29          |
| Các khoản phải thu khác              | 70.913,81           | 150.617,62          |
| Phải trả người bán                   | (45.119,41)         | (11.060,00)         |
| Các khoản phải trả khác              | (76.764,09)         | -                   |
| <b>Tài sản thuần có gốc ngoại tệ</b> | <b>4.313.571,57</b> | <b>4.207.350,85</b> |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái giữa VND với USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thị trường.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 156.230.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 181.235.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng do thay đổi lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### 4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

|   | Số cuối năm            |                      | Số đầu năm             |                      |
|---|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
|   | Giá gốc                | Dự phòng             | Giá gốc                | Dự phòng             |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 116.298.986.780        | -                    | 108.335.161.569        | -                    |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 6.570.000.000          | -                    | 1.570.000.000          | -                    |
| Phải thu khách hàng                       | 14.125.261.022         | (623.729.273)        | 16.345.677.602         | (623.729.273)        |
| Các khoản phải thu khác                   | 42.722.071.679         | -                    | 8.547.761.391          | -                    |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 978.500.000            | (361.000.000)        | 1.978.500.000          | (128.500.000)        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>180.694.819.481</b> | <b>(984.729.273)</b> | <b>136.777.100.562</b> | <b>(752.229.273)</b> |

##### Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

|                         | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán      | 20.601.818.843         | 20.846.158.417         |
| Vay                     | 156.230.000.000        | 181.235.000.000        |
| Các khoản phải trả khác | 532.484.847.095        | 567.577.948.096        |
| <b>Cộng</b>             | <b>709.316.665.938</b> | <b>769.659.106.513</b> |

##### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 5. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn lãi 41.173.526.762 VND, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 251.346.806.379 VND, làm cho vốn chủ sở hữu bị âm 158.323.428.582 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 403.012.068.253 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sẽ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết các khoản nợ đến hạn cho đến khi Tập đoàn có khả năng trả nợ. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

#### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 Công ty mẹ đã gửi công văn số 01/TCHC đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo về việc Công ty mẹ không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

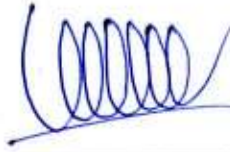
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lê Thị Thu Hà**  
Người lập



**Nghiêm Văn Châu**  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026



**Nguyễn Tuấn Anh**  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|   | Dịch vụ cho thuê tàu,<br>vận tải biển | Các hoạt động<br>kinh doanh khác | Các khoản<br>loại trừ | Cộng                   |
|---|---------------------------------------|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Năm nay</b>  |                                       |                                  |                       |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 308.056.329.426                       | 57.071.650.354                   | -                     | 365.127.979.780        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                                     | -                                | -                     | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>308.056.329.426</b>                | <b>57.071.650.354</b>            | <b>-</b>              | <b>365.127.979.780</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 7.355.336.319                         | 6.912.783.276                    | -                     | 14.268.119.595         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                                       |                                  |                       | -                      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                                       |                                  |                       | 14.268.119.595         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                                       |                                  |                       | 7.252.893.764          |
| Chi phí tài chính   |                                       |                                  |                       | (18.646.933.648)       |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết   |                                       |                                  |                       | -                      |
| Thu nhập khác   |                                       |                                  |                       | 50.743.541.625         |
| Chi phí khác  |                                       |                                  |                       | (2.086.753.195)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                                       |                                  |                       | (10.357.341.379)       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                                       |                                  |                       | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                                       |                                  |                       | <b>41.173.526.762</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>28.145.988.007</b>                 | <b>714.050.337</b>               | <b>-</b>              | <b>28.860.038.344</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>105.160.571.090</b>                | <b>3.481.614.302</b>             | <b>-</b>              | <b>108.642.185.392</b> |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>                              | <b>-</b>                         | <b>-</b>              | <b>-</b>               |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

|   | Dịch vụ cho thuê tàu,<br>vận tải biển | Các hoạt động<br>kinh doanh khác | Các khoản<br>loại trừ | Cộng                   |
|---|---------------------------------------|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Năm trước</b>  |                                       |                                  |                       |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 328.936.245.107                       | 54.877.555.072                   | -                     | 383.813.800.179        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                                     | -                                | -                     | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>328.936.245.107</b>                | <b>54.877.555.072</b>            | <b>-</b>              | <b>383.813.800.179</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | (90.607.949.452)                      | (1.298.166.321)                  | -                     | (91.906.115.773)       |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                                       |                                  |                       | -                      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                                       |                                  |                       | (91.906.115.773)       |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                                       |                                  |                       | 17.454.443.052         |
| Chi phí tài chính   |                                       |                                  |                       | (10.610.042.992)       |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết   |                                       |                                  |                       | -                      |
| Thu nhập khác   |                                       |                                  |                       | 656.545.348.065        |
| Chi phí khác  |                                       |                                  |                       | (1.190.922.302)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                                       |                                  |                       | (39.479.753.332)       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                                       |                                  |                       | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                                       |                                  |                       | <b>530.812.956.718</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>424.858.313.472</b>                | <b>1.604.327.570</b>             | <b>-</b>              | <b>426.462.641.042</b> |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>128.502.541.384</b>                | <b>4.649.624.902</b>             | <b>-</b>              | <b>133.152.166.286</b> |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>                              | <b>-</b>                         | <b>-</b>              | <b>-</b>               |



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|  | Dịch vụ cho thuê tàu,<br>vận tải biển | Các hoạt động<br>kinh doanh khác | Các khoản<br>loại trừ | Cộng                   |
|--|---------------------------------------|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                       |                                       |                                  |                       |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận            | 418.307.708.872                       | 27.306.374.953                   | -                     | 445.614.083.825        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận   |                                       |                                  |                       | 138.587.519.578        |
| <b>Tổng tài sản</b>                      |                                       |                                  |                       | <b>584.201.603.403</b> |
| <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b> | 698.931.783.679                       | -                                | -                     | 698.931.783.679        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận   |                                       |                                  |                       | 43.593.248.306         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                  |                                       |                                  |                       | <b>742.525.031.985</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                        |                                       |                                  |                       |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận            | 456.825.939.688                       | 32.636.099.463                   | -                     | 489.462.039.151        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận   |                                       |                                  |                       | 138.929.284.994        |
| <b>Tổng tài sản</b>                      |                                       |                                  |                       | <b>628.391.324.145</b> |
| <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b> | 744.055.786.060                       | -                                | -                     | 744.055.786.060        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận   |                                       |                                  |                       | 83.832.493.429         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                  |                                       |                                  |                       | <b>827.888.279.489</b> |

Lê Thị Thu Hà  
Người lập



Nghiêm Văn Châu  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ  
HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ  
(INLACO SAIGON)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Số: 13 /TCHC

V/v giải trình từ chối đưa ra ý kiến của Công  
ty kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2025

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn A&C

Tại báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 03 năm 2026, Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn A&C có nêu ý kiến kiểm toán "từ chối đưa ra ý kiến" như sau:

"Tại Báo cáo kiểm toán số 1.0305/26/TC-AC ngày 16 tháng 03 năm 2026 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế, Kiểm toán viên đã đưa ra cơ sở từ chối đưa ra ý kiến. Mặc dù năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn ghi nhận lợi nhuận 41.173.526.762 VND, tuy nhiên lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 251.346.806.379 VND, làm cho vốn chủ sở hữu âm 158.323.428.582 VND.

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 403.012.068.253 VND. Những điều kiện này cho thấy tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Bên cạnh đó, chúng tôi không được chứng kiến kiểm kê thực tế lượng nguyên vật liệu tồn kho tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Chúng tôi cũng không có điều kiện áp dụng các thủ tục thay thế cần thiết khác đối với số lượng nguyên vật liệu tồn kho tại hai thời điểm này."

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế xin giải trình nội dung trên như sau:



- Khoản lãi vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đông Bắc (VDB) đến thời điểm ngày 31/12/2025 là 509.561.110.853 VND. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục thực hiện các thủ tục hồ sơ đề nghị tái cơ cấu, xin xóa lãi phạt phát sinh trên khoản gốc chậm trả và xóa một phần lãi trong kỳ như các Doanh nghiệp cùng thực hiện chương trình của Chính Phủ đã được hưởng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Đối với khoản tồn kho nhiên liệu, dầu nhờn của 05 tàu tại thời điểm ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2025: các tàu đều đang hoạt động trên các tuyến quốc tế, do đó việc trực tiếp xuống tàu để kiểm kê tại thời điểm cuối năm là không khả thi. Việc tổ chức kiểm kê trong điều kiện này sẽ phát sinh chi phí lớn cho doanh nghiệp (bao gồm chi phí vé máy bay, chi phí đại lý, khách sạn và các thủ tục tiếp cận tàu khi tàu đang hoạt động trên các tuyến quốc tế).

Trên thực tế, định kỳ hàng tháng và hàng quý, thuyền trưởng và máy trưởng của các tàu đều phối hợp với bộ phận kỹ thuật tàu và Phòng Quản lý tàu của Công ty để theo dõi, báo cáo và cập nhật tình hình thực tế về nhiên liệu, vật tư trên tàu. Khi tàu cập cảng tại Việt Nam và có điều kiện tiếp cận, Công ty đều cử cán bộ kỹ thuật trực tiếp xuống tàu để kiểm tra và giám sát.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý ủy ban Chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán xem xét và chấp nhận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu TCKT, TCHC



NGUYỄN TUẤN ANH

